TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 21 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2025/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Đặng Đình D,** sinh năm: 1990

ĐKNKTT và chỗ ở: Số 29 ngõ 312 đường đê L, phường B, thành phố H.

- Bị đơn: **Chị Trần Thị N,** sinh năm: 1986

ĐKNKTT: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh N (nay là: Xóm 6, xã H, tỉnh N).

Chỗ ở: Số 29 ngõ 312 đường đê L, phường B, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đặng Đình D và chị Trần Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh D và chị N xác định có 01 con chung là Đặng Đình Tuấn K, sinh ngày 14/6/2022. Anh D và chị N thống nhất thỏa thuận: chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Đặng Đình D tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí HN&GĐST ngày 24/6/2025 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 52048 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố H (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Hà Nội) nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường B, Hà Nội (GCNKH số 78/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Hương

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).